

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 11 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ, TỈNH VĨNH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Vườn

2. Ông Lê Mạnh Quỳnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị MTH, sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: thôn 7, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh NML, sinh năm 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 8 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị MTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NML kết hôn với nhau ngày 03 tháng 08 năm 2007, hôn nhân được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống với gia đình anh L, tại xã T, huyện TĐ.

Tuy nhiên trong suốt quá trình chung sống vợ chồng luôn bất hòa mâu thuẫn. Nguyên nhân do lúc kết hôn tìm hiểu nhau không kỹ, chị đã từng kết hôn và ly hôn nên mong muốn khi kết hôn với anh L sẽ có người chăm sóc, yêu thương mình. Nhưng anh L không có trách nhiệm với gia đình, mãi chơi, không chịu lao động, vướng vào tệ nạn ma túy. Chị tìm hiểu thì biết anh L từng có nhiều lần vi phạm pháp luật, có tiền án, tiền sự... Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn, anh L thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, làm cho chị rất lo sợ, bất an. Tháng 02 năm 2018 chị về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu nộp theo quy định.

* Bị đơn là anh NML quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh L thì hiện nay anh L làm nghề tự do, đi làm vắng nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm mẹ đẻ tại thôn Q, xã T. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án... cho anh L và niêm yết đầy đủ các giấy tờ tại nơi cư trú của anh L. Gia đình anh L nhận được các loại giấy tờ của Tòa án, anh L biết việc giải quyết ly hôn nhưng anh L cố tình không đến, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Cho chị MTH và anh NML được ly hôn.

Về con chung, Các vấn đề về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị MTH có đơn xin ly hôn anh NML trú tại thôn Q, xã T, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh NML vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện anh tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị MTH và anh NML là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất hòa mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do anh L mãi chơi, lười lao động, luôn rượu chè và có nhiều biểu hiện nghiện ma túy, vi phạm pháp luật. Không những vậy, anh L còn không quan tâm đến vợ, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị.... Không thể sống khổ sở như vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống từ tháng 02 năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian chị H và anh Linh sống ly thân anh chị không có tác động gì để hàn gắn chuyện tình cảm. Xét nguyện vọng ly hôn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương xã T, làm việc với mẹ đẻ anh L là bà NTT thì: Vợ chồng anh L và chị H có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do anh L nghiện ma túy nên có hay chửi bới chị H. Bà T còn xác định việc Tòa án báo gọi đến giải quyết việc ly hôn, bà là người nhận các loại văn bản, giấy tờ và thông báo lại cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện việc anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, cố ý vắng mặt để gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L để giải phóng cho các bên đương sự.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn, phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị MTH và anh NML
2. *Về con chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị MTH phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000828 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TĐ. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TĐ;
- Chi cục THADS huyện TĐ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công

